Tam Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy [Tipitaka] (Bình Anson)

Nam truyền — Tổng quan

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Tam Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy (Tam Tạng - Tipitaka)

I. Luật tạng (Vinaya Pitaka - Disciplinary and Procedural Rules)

Luật tạng Pali gồm 5 quyển chính:

1. Căn Bản Giới, Parajika Pali (Major Offences) 2. Tiểu Giới, Pacittiya Pali (Minor Offences) 3. Đại Phẩm, Mahavagga Pali (Greater Section) 4. Tiểu Phẩm, Cullavagga Pali (Lesser Section) 5. Yết Ma và Truyền Giới Pháp, Parivara Pali (Epitome of the Vinaya)

Có nơi kết hợp 2 quyển đầu, Parajika Pali và Pacittiya Pali, thành bộ Suttavibhanga - Luật giải. Vào năm 2005, Tỳ khưu Indacanda (Chánh Thân) đã hoàn tất dịch sang Việt ngữ toàn bộ Luật tạng, và phân chia như sau:

1. Phân tích giới Tỳ khưu (Bhikkhu vibhanga): 2 tập
2. Phân tích giới Tỳ khưu ni (Bhikhuni vibhanga): 1 tập
3. Đại phẩm (Mahavagga): 2 tập
4. Tiểu phẩm (Cullavagga): 2 tập
5. Tập yếu (Parivara): 2 tập

Trong Hán tạng còn có các bộ luật khác, dịch từ bộ luật của những bộ phái khác nhau:

a. Thập Tụng luật, của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvastivada), do ngài Phất Nhã Đa La (Punyatara) dịch b. Tứ Phần luật, của Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka), do ngài Phật Đà Da Xá (Buddhayasas) dịch c. Ma Ha Tăng Kì luật, của Đại Chúng bộ (Mahasanghika), do ngài Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra, Giác Hiền) dịch d. Ngũ Phần luật, của Hóa Địa bộ (Mahisasaka), do ngài Phật Đà Thập (Buddhajiva) dịch e. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ luật, của Da Du La Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mula- Sarvastivada)

II. Kinh Tạng (Nikaya Pitaka - Discourses)

1. Trường Bộ Kinh, Digha Nikaya (Collection of Long Discourses) 2. Trung Bộ Kinh, Majjhima Nikaya (Collection of Middle-length Discourses) 3. Tương Ưng Bộ Kinh, Samyutta Nikaya (Collection of Kindred Sayings) 4. Tăng Chi Bộ Kinh, Anguttara Nikaya (Collection of Gradual Sayings) 5. Tiểu Bộ Kinh, Khuddaka Nikaya (Smaller Collection)

Tiểu Bộ Kinh gồm có 15 quyển:

1. Tiểu Tụng, Khuddaka Patha (Shorter Texts) 2. Pháp Cú Kinh, Dhammapada (The Way of Truth) 3. Phật Tự Thuyết, Udana (Paeans of Joy) 4. Phật Thuyết Như Vậy (Như Thị Ngữ), Itivuttaka ("Thus said" Discourses) 5. Kinh Tập, Sutta Nipata (Collected Discourses)

6. Chuyện Thiên Cung, Vimana Vatthu (Stories of Celestial Mansions) 7. Chuyện Ngạ Quỷ, Peta Vatthu (Stories of Peta) 8. Trưởng Lão Tăng Kệ, Theragatha (Psalms of the Brethren) 9. Trưởng Lão Ni Kệ, Therigatha (Psalms of the Sisters) 10. Bổn Sanh, Jataka (Birth Stories of the Bodhisatta) 11. Diễn Giải (Nghĩa Thích), Niddesa (Expositions) 12. Phân Tích Đạo (Vô Ngại Giải Đạo), Patisambhida (Book on Analytical Knowledge) 13. Thánh Nhân Ký Sự, Apadana (Lives of Arahants) 14. Phật Sử, Buddhavamsa (History of the Buddha) 15. Hạnh Tạng, Cariya Pitaka (Modes of Conduct)

Kinh điển Nguyên thủy cũng được ghi chép lại bằng tiếng Sanskrit và truyền về phương Bắc, được dịch sang tiếng Tây Tạng và tiếng Hán qua nhiều thời kỳ khác nhau và từ nhiều bộ phái khác nhau, không đồng nhất. Các bản Sanskrit đã thất lạc, không còn đầy đủ như tạng Pali. Các bộ kinh dịch ra tiếng Hán gọi là các bộ A Hàm (Agama, A Cấp Ma), gồm có 4 bộ chính:

1. Trường A Hàm (Dirgha-Agama), tương ứng với Trường Bộ Kinh, do ngài Phật Đà Da Xá (Buddhayasas) và Trúc Phật Niệm dịch từ bản của Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka) vào năm 412-413 CN, trong đời nhà Hậu Tần. 2. Trung A Hàm (Madhyama-Agama), tương ứng với Trung Bộ Kinh, do ngài Cù Đàm Tăng Già Đề Bà (Gotama Sanghadeva) và Đạo Tổ dịch từ bản của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvastivada) vào năm 397-398 CN, trong đời nhà Tiền Tần. 3. Tăng Nhất A Hàm (Ekottara-Agama), tương ứng với Tăng Chi Bộ Kinh, do ngài Cù Đàm Tăng Già Đề Bà (Gotama Sanghadeva) dịch có lẽ từ bản của Đại Chúng bộ (Mahasanghika) năm 397 CN, trong đời nhà Tiền Tần. 4. Tạp A Hàm (Samyukta-Agama), tương ứng với Tương Ưng Bộ Kinh, do ngài Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra) dịch từ bản của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvastivada) năm 435-443 CN, trong đời nhà Tống.

Từ năm 1991, trong chương trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam (chùa Vạn Hạnh, Phú Nhuận, Sài Gòn) đã lần lượt phát hành các bộ kinh theo thứ tự như sau:

Năm phát Số thứ tự Tựa Kinh Dịch Giả hành

Trường Bộ 1, 2 1991 HT Minh Châu (I, II)

Trường A Hàm 3, 4 1991 HT Trí Tịnh (I, II)

Trung Bộ 5, 6, 7 1992 HT Minh Châu (I, II, III)

Trung A Hàm 8, 9, 10, 11 1992 HT Thiện Siêu (I, II, III, IV)

12, 13, 14, Tương Ưng Bộ 1993 HT Minh Châu 15, 16 (I, II, III, IV, V)

17, 18, 19, Tạp A Hàm HT Thiện Siêu & 1993-1995 20 (I, II, III, IV) HT Thanh Từ

21, 22, 23, Tăng Chi Bộ 1996-1997 HT Minh Châu 24 (I, II, III, IV)

Tăng Nhất A Hàm HT Thiện Siêu & 25, 26, 27 1997-1999 (I, II, III) HT Thanh Từ

Tiểu Bộ (I) 28 Tiểu Bộ Tập, Pháp Cú Kinh, Phật Tự 2000 HT Minh Châu Thuyết, Như Thị Ngữ, Kinh Tập

Tiểu Bộ (II) 29 2000 GS Trần Phương Lan Thiên Cung Sự, Ngạ Quỷ Sự

Tiểu Bộ (III) 30 2000 HT Minh Châu Trưởng Lão Tăng Kệ, Trưởng Lão Ni Kệ

Tiểu Bộ (IV) 31 2001 HT Minh Châu Bổn Sanh (1-120)

Tiểu Bộ (V) HT Minh Châu & 32 2001 Bổn Sanh (121-263) GS Trần Phương Lan

Tiểu Bộ (VI) 33 2002 GS Trần Phương Lan Bổn Sanh (264-395)

Tiểu Bộ (VII) 34 2003 GS Trần Phương Lan Bổn Sanh (396-473)

Tiểu Bộ (VIII) 35 2003 GS Trần Phương Lan Bổn Sanh (474-520)

Tiểu Bộ (IX) 36 2003 GS Trần Phương Lan Bổn Sanh (521-539)

Tiểu Bộ (X) 37 2004 GS Trần Phương Lan Bổn Sanh (540-547)

* Ngoài ra, trong những năm gần đây còn có các bản dịch bộ A-Hàm của Thầy Tuệ Sỹ.

III. Thắng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka - Vi Diệu Pháp, A Tỳ Đàm, Luận Tạng)

1. Pháp Tụ, Dhammasangani (Classification of Dhamma) 2. Phân Tích (Phân Biệt), Vibhanga (Divisions) 3. Chất Ngữ (Giới Thuyết), Dhatukatha (Discourse on Elements) 4. Nhân Chế Định (Nhân Thị Thuyết), Puggala Pannatti (The Book on Individuals) 5. Ngữ Tông (Biện Giải), Kathavatthu (Points of Controversy) 6. Song Đối (Song Luận), Yamaka (The Book of Pairs) 7. Vị Trí (Phát Thú), Patthana (The Book of Causal Relations)

Các bộ nầy được Hòa thượng Tịnh Sự (Santakicco Mahathera) dịch trước năm 1975 dựa theo bản Pali- Thái, và đã được phát hành tại Sài Gòn (chùa Kỳ Viên, Quận 3) trong những năm qua.

Bình Anson Perth, Western Australia Tháng 07-1997 (hiệu đính: tháng 06-2015)

Ghi Chú:

1. Tựa Việt ngữ của HT Minh Châu, HT Tịnh Sự, HT Đức Nhuận, và TT Indacanda. Tựa Anh ngữ của HT Narada.

2. Toàn bộ kinh điển Pali ngữ và bản dịch Anh ngữ đã được Hội Kinh Điển Pali (Pali Text Society) lần lượt xuất bản trong 100 năm qua. Xin xem bài giới thiệu bằng Anh ngữ: Publications of the Pali Text Society.

Phụ chú (Unicode Courier New font)

Bản đồ liệt kê các bộ kinh chính yếu trong Tam Tạng Thánh Điển

Tam Tạng
|
+----------------------+-------------------------+
| | |
Luật tạng Thắng Pháp tạng Kinh tạng
| | |

Phân tích giới Pháp tụ |
Đại phẩm Phân tích |
Tiểu phẩm Chất ngữ |
Tập yếu Nhân chế định |
Biện giải |
Song đối |
Vị trí |
|
+----------+-------------+--------------+-------------+
| | | | |
Trường bộ | Tương ưng bộ | |
Trung bộ Tăng chi bộ |
Tiểu bộ
|
+--------+----+--------+--------+---+-------+----+--------+-------+
| | | | | | | | | |
Tiểu tụng | | | | | | | |
Pháp cú | | | | | | |
Phật tự thuyết | | | | | |
Phật thuyết như vậy | | | | |
Kinh tập | | | |
Chuyện thiên cung | | |
Chuyện ngạ quỷ | |
Trưởng lão tăng kệ | |
Trưởng lão ni kệ |
Bổn sanh
Diễn giải
Phân tích đạo
Thánh nhân ký sự
Phật sử
Hạnh tạng
Tipitaka
|
+-----------------------+--------------------------+
| | |
Vinaya Pitaka Abhidhamma Pitaka Sutta Pitaka
| | |
Suttavibhanga Dhammasangani |
Mahavagga Vibhanga |

Cullavagga Dhatukatha |
Parivara Puggalapannatti |
Kathavatthu |
Yamaka |
Patthana |
|
+------------+-------------+--------------+----------+
| | | | |
Digha Nikaya | Samyutta Nikaya | |
Majjhima Nikaya Anguttara Nikaya |
Khuddaka Nikaya
|
+---------+----+----+-------+----+------+--+-----+------+
| | | | | | | | | |
Khuddakapatha | | | | | | | |
Dhammapada | | | | | | |
Udana | | | | | |
Itivuttaka | | | | |
Sutta Nipata | | | |
Vimanavatthu | | |
Petavatthu | |
Theragatha | |
Therigatha |
Jataka
Niddesa
Patisambhidamagga
Apadana
Buddhavamsa
Cariyapitaka

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.